Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-03-17 17:20:16 +07:00

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2026/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2026

THÔNG TƯ
Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 78/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đo lường số 04/2011/QH13;

Căn cứ Nghị định số 22/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 86/2012/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

Căn cứ Nghị định số 24/2012/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 232/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 105/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 36/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động của tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn, thử

nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ và Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2025/NĐ-CP của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các văn bản quy phạm pháp luật của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về quản lý đo lường trong kinh doanh vàng và quản lý chất lượng vàng trang sức, mỹ nghệ lưu thông trên thị trường như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

"1. Cân được sử dụng để xác định khối lượng vàng hoặc hàm lượng vàng trong mua, bán giữa các tổ chức, cá nhân phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Có phạm vi đo và độ chính xác phù hợp với khối lượng vàng cần đo. Mức cân phải phù hợp với giá trị độ chia kiểm (e) quy định trong Bảng 1.

Bảng 1

Mức cân	**Giá trị độ chia kiểm (e) của cân**
Đến 200 g	≤ 1 mg
> 200 g đến 3 kg	≤ 10 mg

> 3 kg đến 10 kg	≤ 100 mg
> 10 kg	≤ 1 g

b) Đã được kiểm định tại tổ chức kiểm định được công nhận hoặc chỉ định theo quy định của pháp luật về đo lường; chứng chỉ kiểm định (dấu kiểm định, tem kiểm định, giấy chứng nhận kiểm định) phải còn thời hạn giá trị.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

"3. Khối lượng vàng trong mua, bán với các tổ chức, cá nhân hoặc trong thanh tra, kiểm tra không được nhỏ hơn khối lượng công bố. Giới hạn sai số của kết quả phép đo khối lượng vàng phải bảo đảm yêu cầu quy định tại Bảng 2.

Bảng 2

TT *(i)*	Khối lượng vàng *(m)*	Giới hạn sai số *(S)*
	Theo gam (g)	*Theo miligam (mg)*
1	30	13
2	50	17
3	100	30
4	200	56
5	300	80
6	500	130
Theo kilôgam (kg)		
7	1	240
8	1,5	350
9	2	430
10	3	600
11	5	900
12	6	1100
		Theo kết quả đo
13	Lớn hơn 6	0,0175 %

Giới hạn sai số của phép đo khối lượng vàng *(m)* không quy định cụ thể tại Bảng 2 được xác định như sau:

a) Đối với m < 30 g, giới hạn sai số *(S)* được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến một (01) giá trị độ chia kiểm (e) của cân được sử dụng.

$$S = \frac{13}{30} * m$$

Ví dụ 1:

Kết quả phép đo khối lượng của một chiếc nhẫn bằng vàng là 7,5 g (2 chỉ) khi sử dụng cân có e = 1 mg, giới hạn sai số (S) là:

$$S = \left(\frac{13}{30} * 7{,}5\right) mg \sim 3\ mg$$

b) Đối với 30 g < m < 6000 g, giới hạn sai số (S) được tính theo công thức sau đây và được làm tròn đến một (01) giá trị độ chia kiểm (e) của cân được sử dụng:

$$S = (S_i + \frac{S_{i+1} - S_i}{m_{i+1} - m_i} * (m - m_i))$$

Trong công thức trên:

S: sai số cho phép lớn nhất;

m: khối lượng vàng;

$m_i,\ m_{i+1}$: hai giá trị khối lượng vàng liền kề với số thứ tự *i* và *i+1* trong Bảng 2 bảo đảm điều kiện $m_i < m <\ m_{i+1}$;

S_i, S_{i+1}: giới hạn sai số trong Bảng 2 tương ứng với $m_i,\ m_{i+1}$;

Ví dụ 2:

Kết quả phép đo khối lượng của một chiếc vòng bằng vàng là 86 g (*m* = 86 g) khi sử dụng cân có e = 1 mg, từ Bảng 2, ta thấy 50 g < 86 g < 100 g.

Vì vậy:

$$m_2 = 50\ g, m_3 = 100\ g;\ S_2 = 17\ mg, S_3 = 30\ mg;$$

Giới hạn sai số *(S)* là:

$$S = \left(17 + \frac{30 - 17}{100 - 50} * (86 - 50)\right) mg \sim 26\ mg$$

c) Đối với m > 6 kg, giới hạn sai số (S) được tính bằng cách nhân kết quả phép đo với 0,0175 % và được làm tròn đến một (01) giá trị độ chia kiểm (e) của cân được sử dụng.

Ví dụ 3:

Kết quả phép đo khối lượng của một thỏi vàng là 10 kg khi sử dụng cân có e = 100 mg, giới hạn sai số *(S)* là:

S = (10 x 0,0175 %) kg ~ 1,8 g”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung điểm b mục 3.4.2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 19:2019/BKHCN về sản phẩm chiếu sáng bằng công nghệ LED ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BKHCN ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ như sau:

"b. Thử nghiệm phục vụ việc chứng nhận phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP hoặc được thừa nhận theo quy định tại Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN. Phạm vi thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu quy định của Quy chuẩn kỹ thuật này.".

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung mục 4.4.3 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 03:2019/BKHCN về an toàn đồ chơi trẻ em ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ như sau:

"4.4.3. Thử nghiệm phục vụ việc chứng nhận phải được thực hiện bởi tổ chức thử nghiệm được chỉ định theo quy định tại Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP hoặc được thừa nhận theo quy định tại Thông tư số 27/2007/TT-BKHCN. Phạm vi thử nghiệm của tổ chức thử nghiệm phải đáp ứng các yêu cầu quy định của Quy chuẩn kỹ thuật này.".

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN và sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Thông tư số 03/2024/TT-BKHCN ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ như sau:

"**Điều 4. Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo**

Danh mục phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo bao gồm:

1. Các phương tiện đo, biện pháp kiểm soát về đo lường và chu kỳ kiểm định phương tiện đo quy định trong bảng sau đây:

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
1	Phương tiện đo độ dài: - Thước cuộn - Phương tiện đo khoảng cách quang điện - Phương tiện đo độ sâu đáy nước - Phương tiện đo độ sâu công trình ngầm	 - - - -	 x x x x	 - x x x	 - x x x	 - 12 tháng 12 tháng 24 tháng
2	Taximet	x	x	x	x	18 tháng
3	Phương tiện đo kiểm tra tốc độ phương tiện giao thông	x	x	x	x	24 tháng
4	Phương tiện đo thủy chuẩn	-	x	x	x	12 tháng
5	Toàn đạc điện tử	-	x	x	x	12 tháng
6	Cân phân tích	-	x	x	x	12 tháng
7	Cân kỹ thuật	-	x	x	x	12 tháng
8	Cân thông dụng: - Cân đồng hồ lò xo - Cân bàn; cân đĩa; cân treo dọc thép-lá đề	 x x	 x x	 x x	 x x	 24 tháng 12 tháng
9	Cân treo móc cẩu	x	x	x	x	12 tháng
10	Cân ô tô	x	x	x	x	12 tháng
11	Cân ô tô chuyên dùng kiểm tra tải trọng xe cơ giới	x	x	x	x	24 tháng
12	Cân tàu hỏa tĩnh	x	x	x	x	12 tháng
13	Cân tàu hỏa động	x	x	x	x	24 tháng
14	Cân băng tải	x	x	x	x	12 tháng
15	Cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới	x	x	x	x	12 tháng
16	Quả cân: - Quả cân cấp chính xác E_2 - Quả cân cấp chính xác đến F_1	 - -	 x x	 x x	 x x	 24 tháng 12 tháng
17	Phương tiện thử độ bền kéo nén	-	x	x	x	12 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
18	Phương tiện đo mô men lực	-	x	x	x	12 tháng
19	Cột đo xăng dầu	x	x	x	x	12 tháng
20	Cột đo khí dầu mỏ hóa lỏng	x	x	x	x	12 tháng
21	Đồng hồ đo nước: - Đồng hồ đo nước lạnh cơ khí - Đồng hồ đo nước lạnh có cơ cấu điện tử	 x x	 x x	 x x	 x x	 60 tháng 36 tháng
22	Đồng hồ đo xăng dầu	x	x	x	x	12 tháng
23	Đồng hồ đo khí: - Đồng hồ đo khí dầu mỏ hóa lỏng - Đồng hồ đo khí công nghiệp - Đồng hồ đo khí dân dụng: + $Q_{max} < 16\ m^3/h$ + $Q_{max} \geq 16\ m^3/h$	 x x x x x	 x x x x x	 x x x x x	 x x x x x	 12 tháng 36 tháng 60 tháng 36 tháng
24	Phương tiện đo dung tích thông dụng	-	x	x	x	24 tháng
25	Pipet	-	x	x	x	24 tháng
26	Bể đong cố định	-	x	x	x	60 tháng
27	Xi téc: - Xi téc ô tô - Xi téc đường sắt	 - -	 x x	 x x	 x x	 12 tháng 60 tháng
28	Phương tiện đo mức xăng dầu tự động	x	x	x	x	12 tháng
29	Phương tiện đo vận tốc dòng chảy của nước	-	x	x	x	24 tháng
30	Phương tiện đo vận tốc gió	-	x	x	x	24 tháng
31	Áp kế: áp kế lò xo; áp kế điện tử; baromet	-	x	x	x	12 tháng
32	Huyết áp kế gồm: huyết áp kế thủy ngân; huyết áp kế lò xo; huyết áp kế điện tử	-	x	x	x	12 tháng
33	Nhiệt kế: nhiệt kế thủy tinh- chất lỏng; nhiệt kế thủy tinh-rượu có cơ cấu cực tiểu; nhiệt kế	-	x	x	-	24 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
	thủy tinh-thủy ngân có cơ cấu cực đại					
34	Nhiệt kế y học: - Nhiệt kế y học thủy tinh- thuỷ ngân có cơ cấu cực đại - Nhiệt kế y học điện tử tiếp xúc có cơ cấu cực đại - Nhiệt kế y học điện tử bức xạ hồng ngoại	- - -	x x x	- x x	- - x	- 06 tháng 12 tháng
35	Phương tiện đo độ ẩm hạt nông sản	-	x	x	x	12 tháng
36	Phương tiện đo nhiệt độ, độ ẩm không khí	-	x	x	x	24 tháng
37	Tỷ trọng kế	-	x	x	x	24 tháng
38	Phương tiện đo hàm lượng bụi: - Phương tiện đo hàm lượng bụi trong khí thải - Phương tiện đo hàm lượng bụi trong không khí	- -	x x	x x	x x	12 tháng 12 tháng
39	Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở	x	x	x	x	12 tháng
40	Phương tiện đo nồng độ các khí: - Phương tiện đo nồng độ các khí trong khí thải - Phương tiện đo nồng độ các khí trong không khí	- -	x x	x x	x x	12 tháng 12 tháng
41	Phương tiện đo các thông số của nước: - Phương tiện đo các thông số của nước trong nước mặt - Phương tiện đo các thông số của nước trong nước thải	- -	x x	x x	x x	12 tháng 12 tháng
42	Phương tiện đo độ ẩm muối	-	x	x	x	12 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
43	Công tơ điện: - Công tơ điện xoay chiều 1 pha kiểu cảm ứng	x	x	x	x	60 tháng
	- Công tơ điện xoay chiều 1 pha kiểu điện tử	x	x	x	x	72 tháng
	- Công tơ điện xoay chiều 3 pha kiểu cảm ứng	x	x	x	x	48 tháng
	- Công tơ điện xoay chiều 3 pha kiểu điện tử	x	x	x	x	36 tháng
44	Biến dòng đo lường	x	x	x	x	60 tháng
45	Biến áp đo lường	x	x	x	x	60 tháng
46	Phương tiện đo điện trở cách điện	-	x	x	x	12 tháng
47	Phương tiện đo điện trở tiếp đất	-	x	x	x	12 tháng
48	Phương tiện đo điện trở kíp mìn	-	x	x	x	6 tháng
49	Phương tiện đo cường độ điện trường	-	x	x	x	12 tháng
50	Phương tiện đo điện tim	-	x	x	x	24 tháng
51	Phương tiện đo điện não	-	x	x	x	24 tháng
52	Phương tiện đo độ ồn	-	x	x	x	12 tháng
53	Phương tiện đo rung động	-	x	x	x	12 tháng
54	Phương tiện đo độ rọi	-	x	x	x	12 tháng
55	Phương tiện đo độ chói	-	x	x	x	12 tháng
56	Phương tiện đo năng lượng tử ngoại	-	x	x	x	12 tháng
57	Phương tiện đo quang phổ: - Phương tiện đo quang phổ hấp thụ nguyên tử	-	x	x	x	12 tháng
	- Phương tiện đo quang phổ tử ngoại - khả kiến	-	x	x	x	12 tháng
58	Phương tiện đo công suất laser	-	x	x	x	12 tháng
59	Phương tiện đo tiêu cự kính mắt	-	x	x	x	12 tháng

TT	Tên phương tiện đo	Biện pháp kiểm soát về đo lường				Chu kỳ kiểm định
		Phê duyệt mẫu	Kiểm định			
			Ban đầu	Định kỳ	Sau sửa chữa	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*
60	Phương tiện đo độ khúc xạ mắt	-	x	x	x	12 tháng
61	Thấu kính đo thị lực	-	x	x	x	12 tháng
62	Phương tiện đo độ phân cực xác định hàm lượng đường (độ Pol)	-	x	x	x	12 tháng
63	Phương tiện đo độ khúc xạ xác định hàm lượng đường (độ Brix)	-	x	x	x	12 tháng
64	Phương tiện đo lượng mưa	-	x	x	x	24 tháng
65	Phương tiện đo mực nước	-	x	x	x	24 tháng
66	Phương tiện đo tự động liên tục các thông số khí tượng thủy văn	-	x	x	x	24 tháng
67	Phương tiện đo kinh vĩ	-	x	x	x	12 tháng
68	Phương tiện đo định vị bằng vệ tinh	-	x	x	x	12 tháng
69	Thiết bị đo điện năng sạc pin xe điện: - Thiết bị đo điện năng xoay chiều sạc pin xe đạp điện, xe máy điện - Thiết bị đo điện năng xoay chiều sạc pin xe ô tô điện - Thiết bị đo điện năng một chiều sạc pin xe ô tô điện	x x x	x x x	x x x	x x x	60 tháng 36 tháng 36 tháng

- Ký hiệu "x": biện pháp phải được thực hiện đối với phương tiện đo;

- Ký hiệu "-": biện pháp không phải thực hiện đối với phương tiện đo;

- Trong toàn bộ thời gian quy định của chu kỳ kiểm định, đặc tính kỹ thuật đo lường của phương tiện đo phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng.".

Điều 5. Bãi bỏ điểm 5.3 Điều 5 "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 25:2025/BKHCN về thiết bị điện dùng cho lắp đặt điện trong gia đình và hệ thống lắp đặt tương tự" được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BKHCN ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026.

2. Quy định tại Điều 2 Thông tư này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi các văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Chánh Văn phòng, Chủ tịch Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Mạnh Hùng